

Chỉ thị 57-CT/TW của Bộ Chính trị, Chính phủ trình Bộ Chính trị hoặc trực tiếp Thủ tướng Chính phủ ban hành "Chỉ thị về hoàn thiện và tiếp tục phát triển mở rộng mô hình QTDND" để làm cơ sở cho các tỉnh, thành phố, các cấp, các ngành quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng và giúp đỡ hệ thống QTDND phát triển ổn định. *

- Mô hình kinh tế hợp tác, trong đó có hệ thống QTDND được Luật Hợp tác xã, Luật các Tổ chức tín dụng ghi nhận. Chính phủ cũng đã có Nghị định 48/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của QTDND. Song hiện nay, việc hướng dẫn cụ thể, chi tiết nhiều nội dung trong Luật, Nghị định cũng chưa được quan tâm đúng mức. Do vậy, nhiều

chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với loại hình kinh tế hợp tác chậm đi vào cuộc sống (chính sách thuế, thuê đất, đào tạo, bảo hiểm xã hội...). Do đó, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành chức năng cần quan tâm hướng dẫn việc thực thi cụ thể các chủ trương, chính sách đối với kinh tế hợp tác nói chung, hệ thống QTDND nói riêng. ■

CÔNG TÁC ĐIỀU HOÀ VỐN VÀ VAI TRÒ CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRUNG ƯƠNG trong việc tăng cường mối liên kết kinh tế trong hệ thống QTDND

Đỗ Mạnh Hùng *

Kinh tế hợp tác có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa. Cùng với kinh tế Nhà nước, kinh tế hợp tác ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Kinh tế hợp tác với đặc điểm là một tổ chức mang tính tập thể và bình đẳng cao đã phát huy được lợi thế của mình trong việc thu hút vốn, lao động, kinh nghiệm của cộng đồng vào sản xuất kinh doanh. Để phát huy vai trò của tổ chức kinh tế hợp tác trong sự nghiệp đổi mới, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi, tạo môi trường khuyến khích các tổ chức kinh tế hợp tác phát triển.

Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) là loại hình tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ - tín dụng được thành lập theo Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 27/7/1993 của Thủ tướng Chính phủ. Sau hơn 10 năm hoạt động, hệ thống QTDND đã thu hút được một lượng vốn tạm thời nhàn rỗi trong nhân dân để phục vụ lại chính họ, góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình xoá đói giảm nghèo khu vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Có được những kết



Tổng giám đốc QTDNDTW - Đỗ Mạnh Hùng chủ trì cuộc họp với các Chi nhánh của QTDNDTW

Ảnh: Nam Vinh

quả đó, ngoài sự nỗ lực của mỗi QTDND cơ sở (CS) thì công tác điều hoà vốn của QTDND Trung ương (TW) đóng vai trò vô cùng quan trọng. Bằng việc mở rộng mạng lưới phục vụ, áp dụng cơ chế thông thoáng linh hoạt, chính sách khách hàng hợp lý đặc biệt là chính sách lãi suất... QTDNDTW đã ngày càng thu hút được nhiều nguồn vốn từ nội bộ hệ thống được đồng đảo các QTDNDCS đồng tình ủng hộ và trở thành người bạn tin cậy của hệ thống QTDNDCS.

1. Công tác điều hoà vốn của QTDNDTW đối với hệ thống QTDNL từ khi thành lập đến nay.

a) Từ khi thành lập đến hết năm 2000 (trước tổng kết thi điểm mô hình 3 cấp).

Theo Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 27/7/1993 của Thủ tướng Chính phủ, hệ thống QTDND là mô hình ba cấp (QTDNDCS QTDND Khu

* Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương

vực, QTDND Trung ương), trong đó thành viên QTDNDTW là các QTDND Khu vực (QTDNDKV) và QTDND cơ sở nơi không có QTDND-KV. Mạng lưới tổ chức của QTDNDTW trước tổng kết còn hạn hẹp, mọi hoạt động được thực hiện tập trung tại Hội sở chính là Hà Nội và Chi nhánh QTDNDTW TP Hồ Chí Minh.

Công tác điều hoà vốn của QTDNDTW đối với QTDNDCS được thực hiện thông qua QTDNDKV, đối với những địa phương chưa có QTDND-KV thì Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thực hiện chức năng điều hoà vốn thay vai trò QTDNDKV.

Với mục tiêu hỗ trợ và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống QTDND thông qua công tác điều hoà vốn, QTDNDTW đã thực hiện được vai trò là đầu mối trong quan hệ với NHNN và các tổ chức quốc tế để tiếp nhận nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài nhằm đảm bảo khả năng chi trả và thanh toán cho toàn hệ thống, bổ sung nguồn vốn giai đoạn thời vụ, mở rộng tín dụng. Thông qua hoạt động điều hoà vốn, QTDNDTW bước đầu đã thực hiện vai trò tư vấn dịch vụ, cung cấp thông tin, góp phần tháo gỡ khó khăn cho QTDNDKV, QTDNDCS, thắt chặt mối quan hệ hiểu biết giữa các thành viên, một vài QTDNDKV đã thực hiện tốt vai trò điều hoà vốn, bước đầu tự trang trải được chi phí và có lãi.

Tuy nhiên công tác điều hoà vốn giai đoạn này vẫn còn một số hạn chế sau:

Điều hoà vốn của QTDNDTW giai đoạn này, chủ yếu là thực hiện từ trên xuống (từ QTDNDTW cho vay các QTDNDKV, QTDNDCS nơi chưa có QTDNDKV qua NHNN), còn khâu ngược lại là điều hoà vốn từ dưới lên hầu như chưa thực hiện được mà nguyên nhân chủ yếu là do lãi suất khu vực nông thôn thường cao hơn thành thị và chi phí điều hoà vốn cao. Quan hệ thanh toán giữa QTDNDCS và QTDNDKV chủ yếu là quan hệ tiền mặt do đó QTDNDKV muốn thực hiện nghiệp vụ điều hoà vốn thì phải có phương tiện chuyển

tiền hoặc thuê xe, thuê công an áp tải, chi phí cầu phà dọc đường. Mặt khác, mạng lưới phục vụ của QTDNDTW, QTDNDKV còn hẹp, mới 21 tỉnh có QTDNDKV, còn lại 32 tỉnh chưa có QTDNDKV, do đó chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán nhanh cho QTDNDCS. Đã có hiện tượng một số QTDNDCS thừa vốn gửi các TCTD ngoài hệ thống trong khi các QTDNDCS khác thiếu vốn lại đi vay ngoài hệ thống.

Mặt khác, trong quan hệ tín dụng thì những nơi không có QTDNDKV thì QTDNDTW cho vay qua NHNN là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ tín dụng, do đó NHNN cùng một lúc "vừa đá bóng, vừa thổi còi" vừa không đúng với chức năng của NHNN vừa không gắn trách nhiệm với hiệu quả kinh doanh.

b) Công tác điều hoà vốn của QTDNDTW đối với hệ thống QTDNDND từ năm 2001 đến nay (mô hình 2 cấp).

Thực hiện Đề án mở rộng mạng lưới hoạt động của QTDNDTW theo hướng chuyển đổi sáp nhập 21 QTDNDKV hiện có thành 21 chi nhánh QTDNDTW, xây dựng mới 01 chi nhánh và củng cố 01 chi nhánh đã có. Theo Quyết định 207/QĐ - NHNN ngày 21/3/2001, QTDNDTW đã nhanh chóng triển khai thực hiện và đã hoàn tất việc sáp nhập QTDND-KV, nhận bàn giao công tác điều hoà vốn các QTDNDCS từ chi nhánh NHNN tại 29 tỉnh không có QTDND-KV.

Sau khi chuyển giao công tác điều hoà vốn từ QTDNDKV, NHNN sang QTDNDTW, do mạng lưới hoạt động được mở rộng, khả năng đáp ứng vốn và chính sách lãi suất đa dạng linh hoạt hơn nên đã thu hút được tương đối lớn tiền gửi điều hoà của QTDNDCS lên QTDNDTW.

Doanh số hoạt động từ nghiệp vụ điều hoà vốn đã không ngừng tăng lên, các QTDNDCS thừa vốn thì gửi QTDNDTW càng nhiều: năm 2003 tăng so với năm 2002 là 41%; so với năm 2001 tăng 132% và luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn. Ngược lại các QTDNDCS thiếu vốn

cũng nhận được sự hỗ trợ của QTDNDTW ngày càng đa dạng hơn, cả vốn ngắn hạn và trung hạn, doanh số và số dư hoạt động cũng không ngừng gia tăng. Dư nợ cho vay QTDND thành viên luôn chiếm tỷ lệ cao trong tổng dư nợ cho vay của QTDNDTW và tăng nhanh qua các năm: năm 2003 tăng 33% so với năm 2002; tăng 48% so với năm 2001 và cao hơn giai đoạn cho vay qua QTDNDKV và NHNN. Ngoài ra, QTDNDTW còn phối hợp với QTDNDCS cho vay đồng tài trợ, uỷ thác huy động vốn để tăng cường tính liên kết hệ thống, mở rộng thị phần tín dụng giữ vững uy tín đối với khách hàng gửi tiền, vay tiền cho QTDND-CS giúp hệ thống QTDNDCS điều hành hoạt động một cách thông thoáng và hiệu quả phù hợp với tình hình phát triển kinh tế ở từng địa phương.

Tiền gửi điều hoà tăng cao hơn so với cùng kỳ các năm trước thể hiện vai trò liên kết chặt chẽ trong hệ thống, tăng uy tín của QTDNDTW đối với QTDNDCS. Bằng các chính sách khuyến khích QTDNDCS gửi tiền, cho vay hỗ trợ và nâng cao chất lượng phục vụ các QTDNDCS an tâm hơn khi gửi vốn QTDNDTW. Tiền gửi của hệ thống QTDNDCS tại các TCTD khác hệ thống giảm dần. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một lượng vốn dư thừa tạm thời của hệ thống QTDNDCS gửi tại các TCTD khác. Đây vẫn là một bài toán chưa tìm được lời giải cho QTDNDTW trong tương lai. Bên cạnh chính sách nhận gửi điều hoà, để tạo điều kiện cho các QTDNDCS tăng cường khai thác nguồn vốn tại chỗ, QTDNDTW còn sẵn sàng cho vay hỗ trợ chi trả tiền gửi cho khách hàng nhằm giữ vững uy tín cho QTDNDCS. Đây là một vai trò đặc biệt của mô hình hệ thống QTDND khác hẳn mô hình HTX tín dụng kiểu cũ hoạt động như một "ốc đảo" và khác với các TCTD khác là mỗi hệ thống là một pháp nhân, còn QTDNDTW, QTDNDCS là 2 pháp nhân độc lập cùng hệ thống nhưng có mối quan hệ đặc biệt được nhận gửi vốn và cho vay, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Như chúng ta đã

biết, một trong những nguyên nhân đổ vỡ của HTX tín dụng trước đây là do hoạt động riêng rẽ, đơn độc, không có tính hệ thống nên khi gặp những biến động lớn trong nền kinh tế là có nguy cơ đổ vỡ hàng loạt. Hoạt động điều hoà vốn đã khắc phục được nguyên nhân trên, liên kết với nhau trong việc điều hoà vốn giữa nơi thừa, nơi thiếu, đảm bảo khả năng chi trả để tạo thành sức mạnh trên thị trường vốn nông thôn.

Tóm lại, sau khi QTDNDTW chuyển đổi mô hình tổ chức từ 3 cấp thành 2 cấp thì hoạt động điều hoà vốn của QTDNDTW đã khắc phục được những hạn chế của mô hình 3 cấp và đã có những bước đổi thay căn bản sau:

- Mạng lưới tổ chức hoạt động, chức năng nhiệm vụ, tiềm lực tài chính của QTDNDTW mạnh hơn so với các QTDNDKV nên có điều kiện để triển khai thực hiện tốt vai trò điều hoà vốn cũng như giới thiệu, ra đời các sản phẩm dịch vụ mới đối với QTDNDCS. Sự có mặt của QTDNDTW cũng làm tăng độ tin cậy của hệ thống QTDNDCS vào QTDNDTW hơn nhất là tiềm lực về nguồn vốn, trình độ tư vấn chăm sóc và tính đa dạng trong hoạt động kinh doanh.

- Nguồn vốn huy động từ nội bộ hệ thống QTDNDCS và dư nợ của QTDNDTW đối với QTDNDCS tăng với tốc độ cao hơn so với thời kỳ là QTDNDKV và cho vay qua NHNN, giúp hệ thống QTDNDCS đẩy mạnh hoạt động cho vay mở rộng thị phần tín dụng tại địa phương.

- Tách vai trò quản lý nhà nước của NHNN ra khỏi chức năng kinh doanh khi thực hiện vai trò của QTDNDKV. Hoạt động điều chuyển vốn của QTDNDTW đối với QTDNDCS được thực hiện trực tiếp (từ Chi nhánh QTDNDTW xuống QTDNDCS và ngược lại), không phải qua chi nhánh NHNN. Điều này góp phần tách vai trò quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng của NHNN ra khỏi hoạt động kinh doanh tại những địa phương không có QTDNDKV, xoá bỏ tình trạng cùng một lúc "vừa đá bóng, vừa thổi còi", vừa không đúng với

chức năng của NHNN vừa không gắn trách nhiệm với hiệu quả kinh doanh.

2. Vai trò của QTDNDTW trong việc tăng cường mối liên kết kinh tế trong hệ thống QTDND

a) *Đảm bảo khả năng chi trả và thanh toán cho toàn hệ thống.*

QTDNDTW ngoài việc dự phòng chi trả cho bản thân QTDNDTW như các TCTD khác, còn phải đảm bảo khả năng chi trả cho các QTDNDCS, sẵn sàng hỗ trợ chi trả tiền gửi cho QTDNDCS giữ cho hệ thống QTDND ổn định hoạt động và tăng trưởng vững chắc và ngày càng chiếm lĩnh được lòng tin đối với khách hàng.

Đảm bảo khả năng chi trả là một trong các mục tiêu quan trọng nhất trong hoạt động của bất kỳ một tổ chức tín dụng nào. Đối với hệ thống QTDND thì mục tiêu trên càng trở lên quan trọng vì hoạt động ngân hàng của hệ thống QTDND chủ yếu là huy động và cho vay, các dịch vụ ngân hàng khác hầu như chưa phát triển. Hơn nữa nguồn vốn đầu tư cho tín dụng thường xuyên chiếm tỷ lệ rất cao trong sử dụng vốn của QTDNDCS (80 - 90%). Do đó khi có những biến động về nhu cầu rút vốn, vượt quá khả năng cân đối vốn của QTDNDCS, nếu không có được sự hỗ trợ từ bên ngoài sẽ lâm vào tình trạng khó khăn trong thanh toán như HTX tín dụng kiểu cũ gây mất lòng tin đối với khách hàng và đưa các QTDNDCS đến bờ vực của sự phá sản, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của toàn hệ thống hoặc QTDNDCS phải tìm mọi biện pháp vay ngoài với lãi suất cao sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Với sự có mặt của QTDNDTW thì trong trường hợp thừa vốn cũng như thiếu vốn, QTDNDCS luôn nhận được sự hỗ trợ của QTDNDTW với vai trò điều hoà vốn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán cho toàn hệ thống, giữ vững uy tín trước khách hàng gửi tiền.

b) *Tăng cường khả năng khai thác nguồn vốn tại chỗ.*

Với đặc điểm là một tổ chức tín

dụng hoạt động trên địa bàn nông thôn, có lợi thế về địa bàn hoạt động, nắm chắc nguồn vốn tiềm tàng trong dân cư, có khả năng huy động được những món tiền gửi tiết kiệm nhỏ mà các ngân hàng thương mại không vươn tới được, cộng với việc áp dụng chính sách lãi suất huy động linh hoạt và chính sách khách hàng hợp lý, các QTDNDCS có khả năng huy động được nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi trong dân cư để phục vụ nhu cầu vay vốn của các thành viên. Đối với những địa phương mà nhu cầu vay vốn của các thành viên thấp, nguồn vốn dư thừa của các QTDNDCS lớn thì QTDNDTW thường áp dụng lãi suất tiền gửi điều hoà cao hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm dân cư từ 0,03 - 0,05%/tháng để thu hút nguồn tiền gửi, vừa góp phần tăng khả năng dự phòng chi trả, vừa góp phần tăng năng lực tài chính của các QTDNDCS.

c) *Mở rộng dư nợ cho vay của các QTDNDCS, góp phần nâng cao năng lực tài chính cho QTDNDCS.*

Hệ thống QTDND là TCTD gắn bó với đời sống của từng hộ dân, các QTDNDCS do chính người dân trên địa bàn thành lập nên ở cấp làng xã, nguồn vốn QTDNDTW huy động được từ bên ngoài được cung ứng về các QTDNDCS, đến với từng hộ gia đình tác động trực tiếp đến đời sống của từng hộ dân.

Đối với các QTDNDCS mà nhu cầu vay vốn của các thành viên cao, đặc biệt là đối với những địa phương có làng nghề, mà huy động tại chỗ không đáp ứng được thì QTDNDTW sẽ cho các QTDNDCS vay vốn điều hoà với lãi suất hợp lý. QTDNDCS với lợi thế về địa bàn, có hiểu biết về tình hình hoạt động sản xuất tại địa phương, nắm chắc hoạt động kinh doanh của từng hộ dân, nên có thể đơn giản hoá thủ tục cho vay, đáp ứng nhanh nhu cầu vay vốn của các thành viên. Đây là một lợi thế cạnh tranh của QTDNDCS so với các ngân hàng thương mại đặc biệt là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong hoạt động cho vay phát triển kinh tế tại các làng nghề.

Bằng việc cho các QTDNDCS vay vốn điều hoà, QTDNDTW đã góp phần nâng cao thị phần tín dụng của QTDNDCS trên địa bàn, tăng cường năng lực tài chính cho các QTDNDCS.

d) QTDNDTW thực hiện chức năng tư vấn, chăm sóc đối với các QTDNDCS thành viên.

Thông qua công tác điều hoà vốn (cả nhận gửi và cho vay) với tư cách vừa là thành viên, vừa là khách hàng "đặc biệt", QTDNDTW sẽ thực hiện được công tác tư vấn, chăm sóc đối với khách hàng là các QTDNDCS một cách thường xuyên. Đồng thời nắm bắt sâu sát quy luật chu chuyển vốn của các QTDNDCS từng vùng, từng khu vực từ đó đưa ra những khuyến nghị về chính sách huy động và cho vay nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các QTDNDCS.

Lãi suất nhận gửi và cho vay của QTDNDTW đối với QTDNDCS sẽ tạo ra luồng chu chuyển vốn trên toàn hệ thống phù hợp với chu kỳ kinh doanh của hệ thống QTDND.

Mặt khác, qua quá trình kiểm tra sử dụng vốn, tập huấn nâng cao nghiệp vụ quản lý dự án, QTDNDTW có điều kiện tư vấn cho các QTDNDCS về các mặt hoạt động nghiệp vụ như: quản trị điều hành vốn, chính sách lãi suất, cải thiện cơ cấu nguồn vốn, quản trị rủi ro, chiến lược mở rộng kinh doanh hoàn thiện thủ tục pháp lý cũng như công tác thẩm định cho vay... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của QTDNDCS.

3. Một số khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác điều hoà vốn như góp phần tăng cường tính liên kết trong hệ thống QTDND, tăng tính an toàn trong hoạt động... thì hoạt động điều hoà vốn vẫn còn một số khó khăn, tồn tại về vốn, công nghệ, trình độ cán bộ ảnh hưởng đến vai trò điều hoà vốn của QTDNDTW đối với hệ thống QTDNDCS. Cụ thể:

Một là, vốn điều lệ của QTDNDTW rất thấp.

Để đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng cao cho toàn hệ thống, QTDNDTW phải tăng cường khai thác

mọi nguồn lực như tiền gửi dân cư, tiền gửi QTDNDCS, vay trên thị trường liên ngân hàng. Tuy nhiên vốn điều lệ của QTDNDTW hiện nay chỉ có hơn 100 tỷ đồng cùng với tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn huy động như hiện nay thì tỷ lệ an toàn của QTDNDTW ngày càng giảm đến mức báo động. Đến 31/12/2003, tỷ lệ an toàn hệ thống của QTDNDTW là 9,47%; ước đến 31/12/2004, tỷ lệ an toàn hệ thống của QTDNDTW sẽ giảm xuống dưới mức tỷ lệ an toàn tối thiểu (tỷ lệ an toàn hệ thống tối thiểu theo quy định của Thống đốc NHNN là 8%). Nếu trong năm 2004, vốn điều lệ của QTDNDTW không được bổ sung thì sẽ ảnh hưởng khả năng huy động vốn, đáp ứng nhu cầu vốn điều hoà cho toàn hệ thống QTDND.

Hai là, trình độ công nghệ ngân hàng của QTDNDTW thấp.

Theo mô hình 3 cấp, mỗi cấp là một pháp nhân độc lập trước đây thì trình độ công nghệ của QTDNDTW về cơ bản là đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Nhưng sau khi chuyển đổi hoạt động sang mô hình 2 cấp, áp lực về việc đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ ngân hàng của QTDNDTW ngày càng tăng. Trong khi thực tế hiện nay, vốn điều lệ của QTDNDTW đang rất thấp, không đủ để trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, phục vụ hoạt động kinh doanh, chứ chưa nói đến đổi mới nâng cấp trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động ngân hàng để đa dạng hoá dịch vụ ngân hàng đứng vững trong cạnh tranh khi hội nhập kinh tế. Hoạt động ngân hàng ở các QTDNDCS vẫn còn đơn điệu, chủ yếu là các nghiệp vụ truyền thống như huy động và cho vay còn dịch vụ ngân hàng hầu như không có. Trình độ công nghệ của hệ thống QTDND phổ biến vẫn là lạc hậu, thủ công, điều này ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động thanh toán, điều chuyển vốn trong hệ thống QTDNDND và xu hướng cạnh tranh trong tương lai.

Ba là, về con người.

Một trong những điều kiện quan trọng quyết định sự tồn tại và phát

triển của QTDNDTW là nhân tố con người. Để phát huy được vai trò của QTDNDTW trong vai trò đầu mối hệ thống và thực thi các nhiệm vụ của hệ thống cũng như đứng vững trong cơ chế thị trường, cạnh tranh với các TCTD khác thì vấn đề tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ QTDNDTW càng trở nên quan trọng. Trong khi đó, nguồn cán bộ từ chi nhánh, phần lớn đều là cán bộ mới tuyển dụng kinh nghiệm chưa nhiều hoặc cán bộ từ QTDNDKV chuyển sang mặt bằng trình độ thấp, không đáp ứng được yêu cầu.

Bốn là, cơ chế an toàn trong hoạt động của hệ thống QTDNDND còn chưa ra đời.

- Cơ chế hỗ trợ khả năng chi trả. Thực tế điều hoà vốn thời gian qua cho thấy trong quá trình nhận gửi, cho vay phát sinh nhu cầu cho vay hỗ trợ chi trả tiền gửi của các QTDNDCS giai đoạn thời vụ rất cao. Bản thân QTDNDTW vừa phải dự phòng chi trả tiền gửi cho bản thân, vừa phải dự phòng chi trả tiền gửi cho QTDNDCS với một lượng vốn quá lớn (thường tập trung giai đoạn thời vụ), điều này sẽ ảnh hưởng đến năng lực tài chính của QTDNDTW. Để dự phòng chi trả cho cả hệ thống, QTDNDTW phải gửi vốn tại các ngân hàng thương mại Nhà nước hoặc mua kỳ phiếu Nhà nước, với lãi suất thường thấp hơn rất nhiều so với lãi suất huy động của QTDNDTW, do đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của QTDNDTW (rất có thể bị thua lỗ). Nhưng nếu không dự phòng chi trả cho toàn hệ thống thì không có tổ chức nào đứng ra hỗ trợ, QTDNDCS sẽ lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả nhanh chóng. Do đó để hệ thống hoạt động vững mạnh, NHNN cần ra đời cơ chế hỗ trợ chi trả tiền gửi theo nguyên tắc các QTDND phải trích một tỷ lệ nhất định trên số dư tiền gửi huy động tại chỗ gửi tại QTDNDTW để dự phòng chi trả.

- Cơ chế hỗ trợ đối với QTDNDCS có nguy cơ bị mất khả năng thanh toán: Thực tiễn hoạt động của hệ thống QTDND cho thấy hiện nay một số

QTDNDCS có nguy cơ bị mất khả năng thanh toán, bên bờ vực của sự phá sản nhưng không có cơ chế nào của Nhà nước để hỗ trợ các QTDNDCS này. Nếu sử dụng nguồn vốn của QTDNDTW thì khi QTDNDCS này không thể hoạt động bình thường trở lại thì QTDNDTW phải gánh chịu toàn bộ rủi ro, trong khi năng lực tài chính của QTDNDTW không cho phép QTDNDTW hỗ trợ các QTDNDCS thuộc đối tượng này. Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ riêng đối với những TCTD nói chung, hệ thống QTDND nói riêng khi bị rơi vào tình trạng nói trên.

4. Một số kiến nghị để xuất

Xuất phát từ những vấn đề còn tồn tại trên để phát huy hơn nữa vai trò điều hoà vốn của QTDNDTW, chúng tôi có một số kiến nghị, đề xuất như sau với NHNN như sau:

- Đề nghị NHNN cho phép QTDNDTW được tăng vốn điều lệ để mở rộng quy mô nguồn vốn, tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ.

Sau khi Nhà nước điều chỉnh lại mô hình tổ chức hệ thống QTDND từ mô hình 3 cấp thành 2 cấp, sáp nhập 21 QTDNDKV là các pháp nhân độc lập vào QTDND TW thì quy mô hoạt động và mạng lưới tổ chức của

QTDND TW tăng theo. Trong khi đó vốn điều lệ của QTDND TW trước và sau khi sáp nhập hầu như không tăng, làm tăng nguy cơ vi phạm tỷ lệ an toàn tối thiểu của Nhà nước. Hiện tại tỷ lệ an toàn tối thiểu của QTDND TW như đã nói ở trên là 9,47%. Nếu tốc độ tăng trưởng nguồn vốn 20%/năm thì hết năm 2004 tỷ lệ an toàn tối thiểu của QTDND TW sẽ bị vi phạm. Sau Đại hội thành viên, QTDND TW đã kêu gọi vốn góp từ trong và ngoài hệ thống nhưng tính khả thi không cao bởi các lý do sau:

+ Nếu huy động vốn góp từ trong hệ thống với số lượng QTDND thành viên như hiện nay và mức vốn pháp định không đổi thì việc tăng vốn góp cổ phần của QTDNDCS tại QTDND TW là một vấn đề khó vì số lượng Quỹ phát triển thêm quá ít (không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của QTDND TW), mệnh giá vốn góp của một QTDND tại QTDNDTW không tăng hoặc nếu có tăng thì vẫn bị giới hạn bởi số vốn điều lệ ít ỏi của các QTDNDCS.

+ Nếu thu hút vốn góp từ bên ngoài hệ thống thì với mục tiêu hoạt động của QTDND TW là không vì lợi nhuận đối với các QTDNDCS và lợi tức vốn góp quá nhỏ thì sẽ không thu hút được nguồn vốn góp của các tổ chức kinh tế bên ngoài hệ thống.

Nếu không được sự hỗ trợ của Nhà nước thì trong tương lai không xa giới hạn an toàn của QTDND TW sẽ bị vi phạm.

- Đề nghị NHNN hỗ trợ QTDND TW trong công tác đào tạo, cán bộ: Cán bộ của QTDNDTW phải là người vừa có đạo đức nghề nghiệp vừa phải am hiểu nghiệp vụ chuyên môn, xử lý nhanh nhạy diễn biến thị trường, tiếp thu được công nghệ tiên tiến, hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài áp dụng vào hệ thống và chuyển giao sản phẩm cho thành viên là hệ thống QTDNDCS. Mặt khác, cán bộ QTDNDTW phải biết hướng dẫn, đào tạo, tư vấn chăm sóc QTDND cùng thực hiện, phát hiện được sai sót để bổ sung, chỉnh sửa kịp thời. Do vậy, song song với việc hoàn thiện về mô hình tổ chức thì vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ đủ sức đứng vững trong cơ chế thị trường đang là vấn đề đặt ra hết sức cần thiết đối với các HTX nói chung và QTDND nói riêng.

- Nhà nước cần bổ sung hoàn thiện cơ chế an toàn trong hoạt động cho hệ thống QTDND để QTDNDTW phát huy hơn nữa vai trò điều hoà vốn đối với QTDNDCS như cơ chế hỗ trợ chi trả tiền gửi, cơ chế bảo toàn vốn đối với những QTDND yếu kém, mất khả năng thanh toán, chi trả...■

ĐÓNG GÓP CỦA HỆ THỐNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN THÀNH PHẦN KINH TẾ TẬP THỂ

Nguyễn Xuân Hiền *

góp phần ổn định thị trường tiền tệ trên địa bàn nông thôn.

Tổ chức hoạt động của hệ thống QTDND ngày càng được chấn chỉnh hoàn thiện, phát huy tác dụng đối với sản xuất đời sống xã hội mà nó còn góp phần cùng có phát triển cả hệ thống kinh tế tập thể.

I- NHỮNG KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Hệ thống QTDND được thành lập trên cơ sở Luật các Tổ

chức tín dụng, Luật HTX và được tổ chức hoạt động theo nguyên tắc, tính chất của HTX.

Các QTDND đều được thành lập và tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hợp tác và phát triển cộng đồng.

Cùng với sự hình thành hệ thống QTDND từ Trung ương đến cơ sở, các quỹ đều đã đăng ký hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật. Các

* Phó Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam